

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2326 /UBND-KT

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2025

V/v triển khai thực hiện Thông tư số
05/2025/TT-BKHĐT ngày 24/01/2025
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Kính gửi: Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong.

Triển khai thực hiện Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2025); UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong phổ biến Thông tư nêu trên đến các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan biết, thực hiện và chủ động triển khai thực hiện các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao; kịp thời báo cáo, tham mưu, đề xuất các nội dung thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của UBND tỉnh đúng quy định pháp luật./.

(Sao gửi kèm Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TLe, HT, DN.

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Nguyễn Tấn Tuấn

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2025/TT-BKHDT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý các khu kinh tế;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết việc xây dựng khu công nghiệp sinh thái và các biểu mẫu có liên quan quy định tại các Điều 2, 36, 37, 38, 40, 41, 42, 43, 44, 53 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (sau đây gọi là Nghị định số 35/2022/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng, phát triển, chứng nhận, thu hồi và chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

Điều 2. Cộng sinh công nghiệp và giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn

1. Cộng sinh công nghiệp quy định tại khoản 7 Điều 2 và điểm b khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP bao gồm các hoạt động hợp tác:

a) Trao đổi yếu tố đầu vào, đầu ra (nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và yếu tố khác) trong quá trình sản xuất, kinh doanh giữa các

doanh nghiệp trong khu công nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Sử dụng chung hạ tầng phục vụ sản xuất trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba cung cấp (không bao gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung của khu công nghiệp do nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp cung cấp);

c) Sử dụng chung dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba trong hoặc ngoài khu công nghiệp cung cấp.

2. Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp có ít nhất một trong các hoạt động quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này được tính là 01 cộng sinh công nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

3. Giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trong khu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP gồm:

a) Các giải pháp giảm chất thải tại nguồn: quản lý nội bộ doanh nghiệp và sử dụng các vật liệu thay thế; kiểm soát quy trình, thiết bị sản xuất; cải tiến, đổi mới, thay thế thiết bị, dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp, tiết kiệm năng lượng nhằm giảm tiêu hao nguyên liệu đầu vào, năng lượng và chất thải, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Các giải pháp tuần hoàn: thu gom, xử lý, tái sử dụng, tái chế các chất thải, phế liệu, nước mưa để phục vụ sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Các giải pháp cải thiện sản phẩm thông qua cải tiến thiết kế, bao bì và đóng gói sản phẩm nhằm giảm tác động đến môi trường.

4. Trong quá trình đánh giá, giám sát doanh nghiệp thực hiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tham khảo ý kiến của tổ chức, đơn vị chuyên môn trong nước đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn hoặc tổ chức quốc tế có năng lực, chuyên môn về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn thông qua tổ chức hợp lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 3. Thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trong khu công nghiệp

1. Thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trong khu công nghiệp quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 36 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP là tập hợp gồm các nền tảng, dữ liệu, chỉ số về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn của khu công nghiệp quy định tại Phụ lục A và Phụ lục B ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây gọi là hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn), bao gồm:

a) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn ở cấp địa phương do Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế là đầu mối thực hiện nhằm thu thập, xây dựng, quản lý, vận hành để theo dõi, giám sát, chứng nhận, thu hồi, chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái và thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm khoản 5 Điều 36 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

b) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn ở cấp doanh nghiệp, tổ chức do nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, doanh nghiệp trong khu công nghiệp và các tổ chức có liên quan thực hiện nhằm thu thập, báo cáo, quản lý, vận hành để sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn và kết nối cộng sinh công nghiệp của khu công nghiệp và doanh nghiệp trong khu công nghiệp với sự phối hợp, giám sát của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

3. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này được tích hợp vào Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp và khu kinh tế do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, vận hành và quản lý. Nền tảng trực tuyến của hệ thống được công bố trên website của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, doanh nghiệp và tổ chức có liên quan quy định tại điểm a, điểm b khoản này được cung cấp tài khoản truy cập trực tuyến để cung cấp, cập nhật dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn.

Điều 4. Xác định diện tích các loại đất để tính tỷ lệ đất cây xanh, giao thông, các khu kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung trong khu công nghiệp

1. Diện tích đất cây xanh, giao thông, các khu kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung trong khu công nghiệp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 37 Nghị định 35/2022/NĐ-CP bao gồm:

a) Diện tích đất cây xanh của khu công nghiệp ;

b) Diện tích đất giao thông của khu công nghiệp;

c) Diện tích đất dành cho các hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp: gồm cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác trừ diện tích quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Diện tích đất dành cho hệ thống hạ tầng xã hội dùng chung trong khu công nghiệp: gồm hệ thống hạ tầng cho dịch vụ tiện ích công cộng như: y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao, thương mại, cơ sở lưu trú, hệ thống công viên, vườn hoa, sân chơi và các công trình hạ tầng xã hội khác.

2. Tỷ lệ % diện tích của từng loại đất quy định tại khoản 1 Điều này được xác định trên tổng diện tích của khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch xây dựng khu công nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm bảo đảm kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu về khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái theo quy định.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm bảo đảm kinh phí và nguồn lực thực hiện cập nhật thông tin về khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2025.

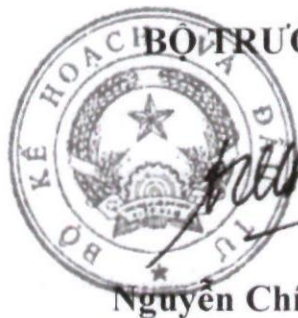
2. Trong quá trình triển khai, nếu có vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. /.

Nơi nhận

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Website của Chính phủ;
- Công báo VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các Vụ: PC, KTCNDV, KHGDTN&MT, PTH&ĐT, ĐTN;
- Các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Lưu: VT, QLKK (03 b)

P.45

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC A
MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025 TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A.1. Văn bản đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái
(Điểm a Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 35/2022 ND-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Kính gửi: (Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế)

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP

1. Thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

Tên nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)¹ số:; ngày cấp:

Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tổ chức kinh tế thực hiện dự án, gồm:

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam

Họ tên: Ngày sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân : Quốc tịch:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài

2. Thông tin về khu công nghiệp và dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp

2.1. Tên khu công nghiệp:.....

2.2. Tên dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp:.....

2.3. Địa điểm thực hiện dự án:

2.4. Thông tin về đăng ký đầu tư của dự án: Chủ trương đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày,....., lần điều chỉnh gần nhất ngày..... (nếu có).

II. KIẾN NGHỊ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ/ TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trên cơ sở đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái quy định tại Điều 37 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, căn cứ Thông tư số/2025/TT-BKHĐT ngày tháng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái, Nhà đầu tư đề nghị Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh/thành phố đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố chứng nhận (hoặc chứng nhận lại) cho khu công nghiệp..... (in đậm tên khu công nghiệp) đạt tiêu chí khu công nghiệp sinh thái.

III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các nội dung quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái do cơ quan có thẩm quyền cấp./.

....., ngày thángnăm.....

Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC A
MẪU VĂN BẢN BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A.2 Báo cáo về tình hình hoạt động và thu hút đầu tư của khu công nghiệp
(Điểm b Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ
CỦA KHU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi: *(Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế)*

1. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư theo mẫu Báo cáo năm về tình hình thực hiện dự án đầu tư dành cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư¹ (báo cáo đã gửi trong 3 năm gần nhất).

2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp².

3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu công nghiệp lũy kế đến năm gần nhất so với thời điểm đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái³.

(Trong trường hợp không lập các báo cáo riêng, nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp có thể kết hợp các nội dung này trong báo cáo xây dựng, phát triển khu công nghiệp hàng năm, báo cáo về công tác bảo vệ môi trường của khu công nghiệp và các báo cáo liên quan đã gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương theo quy định).

....., ngày tháng năm.....

Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

¹ Mẫu báo cáo định kỳ của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư ban hành kèm theo Thông tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản điều chỉnh (nếu có).

² Mẫu báo cáo định kỳ theo quý/6 tháng/1 năm gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

³ Mẫu báo cáo định kỳ theo quý/6

3.2. Giải pháp đảm bảo nhà ở và các tiện ích công cộng (công trình xã hội, văn hóa, thể thao...) cho người lao động trong khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

(Kèm tài liệu chứng minh).

4. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có)./.

....., ngày tháng năm.....

**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/tổ
chức kinh tế thực hiện dự án**

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)



PHỤ LỤC A

MẪU VĂN BẢN BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025 TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A.4. Mẫu báo cáo theo dõi, giám sát thực hiện khu công nghiệp sinh thái (khoản 1 Điều 43 Nghị định số 35/2022 ND-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THEO DÕI, GIÁM SÁT THỰC HIỆN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

I. Thông tin về nhà đầu tư và dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

1. Thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

1.1. Tên nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp:

1.2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:, lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày

1.3. Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Loại hình doanh nghiệp (Cổ phần, TNHH, tư nhân ...):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Website:

Email:

1.4. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

- Sử dụng vật liệu từ doanh nghiệp khác năm [N-1]:..... (t/n); tiết kiệm chi phí.....(triệu đồng)
- Cung cấp vật liệu cho doanh nghiệp khác năm [N-1]:..... (t/n); thu được chi phí.....(triệu đồng)
- Tiết kiệm hóa chất năm [N-1]:.....(t/n); tiết kiệm chi phí:.....(triệu đồng)
- Tổng chi phí tiết kiệm trong năm [N-1]: (triệu đồng)
- Chia sẻ dịch vụ/dịch vụ dùng chung trong năm [N-1]:.....; tiết kiệm chi phí: (triệu đồng);
- Các kết quả khác (nếu có):.....

....., ngày thángnăm.....

**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/
tổ chức kinh tế thực hiện dự án**
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

STT	Chỉ số	Nội dung	Đối tượng áp dụng	Yêu cầu
				cung cấp địa phương và tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp địa phương.
18	Giá trị dịch vụ khu công nghiệp (ECO.6)	Khoản thu từ dịch vụ/phí hạ tầng đảm bảo kinh phí hoạt động cho khu công nghiệp.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp chứng minh khoản thu từ dịch vụ/phí hạ tầng đảm bảo chi trả kinh phí hoạt động cho khu công nghiệp.

PHỤ LỤC B
MẪU VĂN BẢN BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
DOANH NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025 TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

B.1. Văn bản đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái
(điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 35/2022 ND-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP SINH THÁI

Kính gửi: (Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế)

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Thông tin về nhà đầu tư:

1.1 Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)¹ số:; ngày cấp:; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email:

1.2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)² số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

¹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ

III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái do cơ quan có thẩm quyền cấp./.

....., ngày thángnăm.....

**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/
tổ chức kinh tế thực hiện dự án**

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

- Kết quả tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, kết quả giảm chất thải, phế liệu sau khi thực hiện hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn thông qua một số chỉ số quy định tại điểm d, đ mục 1.2 văn bản này.

2. Các tài liệu khác kèm theo

2.1. Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp cho khu công nghiệp nơi doanh nghiệp thực hiện dự án;

2.2. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có)/.

**Xác nhận của nhà đầu
tư thực hiện dự án đầu
tư xây dựng và kinh
doanh kết cấu hạ tầng
khu công nghiệp**

....., ngày tháng năm.....
**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/tổ
chức kinh tế thực hiện dự án**
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Tiết kiệm chi phí:..... (Triệu đồng);

3.2.5 Giảm chất thải phải xử lý (Tấn /năm) trong năm [N-1]:.....

Các biện pháp đã áp dụng để giảm chất thải

Tái sử dụng (Tấn /năm): Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

Tái chế (Tấn /năm):..... Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

3.2.6 Tiết kiệm vật liệu sơ cấp (Tấn /năm) trong năm [N-1]:.....

Tiết kiệm chi phí (Triệu đồng)

3.2.7 Sử dụng vật liệu thứ cấp (Tấn /năm) từ doanh nghiệp khác:.....

Tiết kiệm chi phí: (Triệu đồng)

3.2.8 Cung cấp vật liệu thứ cấp cho doanh nghiệp khác:.....

Tiết kiệm chi phí:(Triệu đồng)

3.2.9 Tiết kiệm hóa chất (Tấn /năm) trong năm [N-1]:.....

Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

3.2.10 Chia sẻ dịch vụ/dịch vụ dùng chung trong năm [N-1]:.....

Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)/.

....., ngày thángnăm.....

**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/tổ
chức kinh tế thực hiện dự án**

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

